

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ (CẤP TIỂU HỌC)

(Dự thảo ngày 19 tháng 01 năm 2018)

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	4
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	5
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	7
LỚP 4.....	10
LỚP 5.....	16
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	26
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	24
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	25
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	28

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học là môn học bắt buộc, được dạy học ở lớp 4 và lớp 5. Môn học được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển từ môn Tự nhiên và Xã hội các lớp 1, 2, 3 và là cơ sở để học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở, đồng thời góp phần đặt nền móng ban đầu cho việc giáo dục về khoa học xã hội ở các cấp học trên.

Môn Lịch sử và Địa lí gồm các mạch kiến thức và kĩ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới. Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí còn liên quan trực tiếp với nhiều môn học và các hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tiếng Việt và Hoạt động trải nghiệm,...

Môn học coi trọng việc tổ chức cho học sinh trải nghiệm thực tế, tạo cho học sinh cơ hội tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức vào thực tiễn, học cách ứng xử phù hợp với tự nhiên và xã hội.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, gồm: a) Định hướng chung cho tất cả các môn học như: quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện và phát triển chương trình; b) Định hướng xây dựng chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học.

2. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học kế thừa những ưu điểm của các chương trình trước đây; lựa chọn những kiến thức cơ bản và sơ giản về tự nhiên, dân cư, một số hoạt động kinh tế, lịch sử, văn hoá của các vùng miền, đất nước Việt Nam và thế giới; các sự kiện, nhân vật lịch sử phản ánh những dấu mốc lớn của quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

3. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học được xây dựng trên quan điểm tích hợp nội dung của lịch sử, địa lí và một số nội dung văn hoá, xã hội trong các kết nối về không gian và thời gian; tích hợp vấn đề bảo vệ môi trường, giáo dục giá trị nhân văn; gắn lí thuyết với thực hành, gắn nội dung giáo dục với thực tiễn nhằm hình thành cho học sinh năng lực chung và năng lực chuyên môn của môn Lịch sử và Địa lí. Chương trình cũng kết nối với kiến thức, kĩ năng của các môn

học và hoạt động giáo dục khác như: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm,... giúp học sinh vận dụng tích hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều môn học để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống phù hợp với lứa tuổi.

4. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học lựa chọn những nội dung thiết thực đối với việc hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh thông qua phương pháp tổ chức các hoạt động học tập tích cực như: khám phá vấn đề, luyện tập và thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống). Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua nhiều hình thức đa dạng (trên lớp, ở bảo tàng, tham quan, khảo sát, học theo dự án,...) với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, đặc biệt là công cụ tin học.

5. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học được thiết kế theo hướng mở, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước và của các địa phương; phù hợp với khả năng của giáo viên, học sinh và thực tiễn dạy học ở nhà trường. Thông qua các chủ đề học tập, các hình thức tổ chức dạy và học (trên lớp, ở bảo tàng, tham quan, khảo sát, học theo dự án,...), chương trình tạo ra độ linh hoạt để có thể điều chỉnh phù hợp với các địa phương và với các nhóm đối tượng học sinh khác nhau về nhiều mặt, song vẫn đảm bảo trình độ chung của giáo dục phổ thông trong cả nước, tiếp cận dần với trình độ khu vực và thế giới.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Thông qua việc thiết kế chương trình theo phạm vi mở rộng dần về không gian địa lí và không gian xã hội, từ địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam đến địa lí, lịch sử của các nước láng giềng và thế giới, môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học góp phần bước đầu hình thành và phát triển các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Môn học tạo cơ hội cho học sinh khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh để bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước; có tình cảm yêu thương, thái độ sống có trách nhiệm, đồng cảm, sẵn sàng chia sẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; ý thức tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc.

Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác, môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học góp phần giúp học sinh hình thành và phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn

đề và sáng tạo. Môn học còn góp phần phát triển năng lực chuyên môn: năng lực hiểu biết cơ bản về lịch sử và địa lí; năng lực tìm tòi, khám phá lịch sử và địa lí; năng lực vận dụng các kiến thức lịch sử và địa lí vào thực tiễn, góp phần hình thành và phát triển cho học sinh năng lực tìm hiểu xã hội để học tập các môn học khác cũng như để học tập suốt đời.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học bước đầu góp phần hình thành cho học sinh những phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: (i) Biết trân trọng, yêu quý bản thân, yêu cuộc sống; tinh thần lạc quan, biết vươn lên trong cuộc sống; (ii) Biết yêu quý người thân, bạn bè, tôn trọng người khác; thành thực, lễ phép, khoan dung, nhiệt tình, đoàn kết hợp tác và sống có trách nhiệm với tập thể; (iii) Quan tâm, yêu quý cộng đồng, xã hội, có trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái xung quanh. (iv) Yêu quê hương, quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc Việt Nam, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc; đồng thời hình thành và phát triển được các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Đặc biệt, học sinh cần hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, cụ thể là năng lực lịch sử và địa lí, bao gồm các năng lực thành phần sau:

Bảng 1. Biểu hiện năng lực chuyên môn Lịch sử và Địa lí

Năng lực	Mô tả chi tiết
1. Hiểu biết cơ bản về lịch sử và địa lí	<p>– Kể tên/Nêu/Nhận biết được các sự vật, hiện tượng địa lí, lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian; một số biểu tượng, giá trị, truyền thống kết nối con người Việt Nam; một số nền văn minh, một số di sản văn hoá thế giới; một số vấn đề khó khăn nhân loại đang phải đối mặt (cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu, gia tăng dân số, di cư, chiến tranh,...).</p> <p>– Trình bày/Mô tả được những nét cơ bản về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá, hoạt động kinh tế của địa phương, đất nước và thế giới; sự thay đổi, phát triển của địa phương, đất nước và thế giới; mối liên hệ giữa con người với môi trường xung quanh, cách thức giao lưu, kết nối giữa con người với con người, giữa các địa phương với nhau.</p>

Năng lực	Mô tả chi tiết
	<ul style="list-style-type: none"> – So sánh/Phân biệt được sự đa dạng về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá và phương thức sinh sống của con người ở các địa phương, các vùng miền, đất nước và thế giới. – Nhận xét và giải thích được kết quả của các sự kiện lịch sử, sự vật, hiện tượng lịch sử, địa lí.
2. Tìm tòi, khám phá lịch sử và địa lí	<ul style="list-style-type: none"> – Biết phát hiện, nêu thắc mắc và đặt câu hỏi đơn giản về một số vấn đề lịch sử, địa lí và xã hội. – Thực hiện được quan sát, tra cứu tài liệu để tìm thông tin hoặc thực hiện điều tra ở mức độ đơn giản để tìm hiểu về các sự kiện, hiện tượng lịch sử và địa lí. – Thu thập thông tin và ghi lại được các dữ liệu đơn giản về lịch sử, địa lí và xã hội; đọc lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu ở mức độ đơn giản. – Thực hiện việc phân tích, so sánh, đánh giá một số sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử, vấn đề lịch sử,...; phân tích tác động của thiên nhiên đến lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của con người và tác động của con người đến tự nhiên ở mức độ đơn giản.
3. Vận dụng kiến thức lịch sử và địa lí vào thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích ở mức độ đơn giản một số vấn đề lịch sử, một số sự vật và hiện tượng lịch sử và địa lí. – Sử dụng được các công cụ địa lí để xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian; sử dụng “đường thời gian” để biểu diễn tiến trình phát triển của sự kiện, hiện tượng lịch sử. – Bước đầu biết thu thập chứng cứ, thảo luận, phân tích và trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lí, xã hội đơn giản. – Thực hiện ở mức độ đơn giản hành động sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. – Ứng xử phù hợp với các sự việc, các mối quan hệ trong xã hội, các vấn đề xã hội (ở mức độ đơn giản).

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Bảng 2. Phân bố nội dung khái quát môn Lịch sử và Địa lí

Mạch nội dung		Lớp 4	Lớp 5
ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC VÙNG MIỀN CỦA VIỆT NAM	Địa phương em	×	
	Miền núi và trung du Bắc Bộ	×	
	Đồng bằng Bắc Bộ	×	
	Duyên hải miền Trung	×	
	Tây Nguyên	×	
	Nam Bộ	×	
VIỆT NAM	Đất nước và con người Việt Nam		×
	Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam		×
	Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc		×
THẾ GIỚI	Các nước láng giềng và khu vực Đông Nam Á		×
	Tìm hiểu thế giới		×
	Chung tay xây dựng thế giới		×

Bảng 3. Phân bố nội dung chi tiết môn Lịch sử và Địa lí

TT	Mạch nội dung	Nội dung chi tiết
1	Địa phương em	Thiên nhiên và con người địa phương Lịch sử và văn hoá địa phương

TT	Mạch nội dung	Nội dung chi tiết
2	Miền núi và trung du Bắc Bộ	Thiên nhiên Dân cư và một số nét văn hoá Đền Hùng và giỗ Tổ Hùng Vương Chiến khu – căn cứ địa Việt Bắc
3	Đồng bằng Bắc Bộ	Thiên nhiên Dân cư và một số nét văn hoá Sông Hồng và văn minh sông Hồng Văn Miếu – Quốc Tử Giám Thăng Long – Hà Nội
4	Duyên hải miền Trung	Thiên nhiên Dân cư và một số nét văn hoá Phố cổ Hội An Cố đô Huế
5	Tây Nguyên	Thiên nhiên Dân cư và một số nét văn hoá Lễ hội cồng chiêng Tây Nguyên
6	Nam Bộ	Thiên nhiên Dân cư và một số nét văn hoá Địa đạo Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh
7	Đất nước và con người Việt Nam	Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, biểu tượng của Việt Nam Thiên nhiên Việt Nam

TT	Mạch nội dung	Nội dung chi tiết
		Biển, đảo Việt Nam Dân cư và dân tộc ở Việt Nam Khái quát tiến trình lịch sử Việt Nam
8	Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam	Văn Lang – Âu Lạc Phù Nam Champa
9	Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc	Kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938 Kháng chiến chống Mông – Nguyên thế kỉ XIII Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) Cách mạng Tháng Tám năm 1945 Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975
10	Các nước láng giềng và khu vực Đông Nam Á	Trung Quốc Lào Campuchia Khu vực Đông Nam Á
11	Tìm hiểu thế giới	Các châu lục và đại dương trên thế giới Dân số và các chủng tộc trên thế giới Một số nền văn minh nổi tiếng thế giới
12	Chung tay xây dựng thế giới	Chiến tranh và khát vọng hoà bình của nhân loại Những vấn đề khó khăn nhân loại đang phải đối diện

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 4

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
1. Địa phương em	
1.1. Thiên nhiên và con người địa phương (cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ để xác định vị trí của địa phương. – Mô tả được những nét chính về tự nhiên của địa phương (địa hình, khí hậu,...) – Giới thiệu được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.
1.2. Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương	<ul style="list-style-type: none"> – Quan sát và mô tả những nét chính về nhà ở, trang phục và thức ăn ở địa phương. – Mô tả được những nét chính về phong tục, tập quán, lễ hội,... của địa phương. – Chọn và giới thiệu về một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội,... ở địa phương.
2. Miền núi và trung du Bắc Bộ	
2.1. Thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định vị trí địa lí của miền núi và trung du Bắc Bộ, dãy núi Hoàng Liên Sơn (đỉnh Fansipan), cao nguyên (Mộc Châu, Sơn La). – Quan sát bản đồ, mô tả được đặc điểm chính về địa hình, khí hậu ở miền núi và trung du Bắc Bộ. – Phân tích ở mức độ đơn giản những thuận lợi và khó khăn do địa hình và khí hậu đem lại cho miền núi và trung du Bắc Bộ.
2.2. Dân cư và một số nét văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được một số dân tộc ở miền núi và trung du Bắc Bộ. – Quan sát lược đồ phân bố dân cư, nhận xét một cách đơn giản sự phân bố dân cư ở miền núi và trung du Bắc Bộ. – Mô tả được một số phương thức khai thác tự nhiên phục vụ cho sản xuất của con người (ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện,...).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được nét cơ bản của một số lễ hội văn hoá: lễ hội Gầu Tào, hát then, múa xoè Thái, lễ hội Lồng Tồng, chợ phiên vùng cao,... – Giới thiệu được một số nét văn hoá của một dân tộc ở miền núi và trung du Bắc Bộ.
2.3. Đèn Hùng và giỗ Tổ Hùng Vương	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí của đèn Hùng. – Suu tầm một số câu ca dao nói về ngày giỗ Tổ Hùng Vương để xác định được thời gian giỗ Tổ Đèn Hùng. – Kể tên được một số công trình chính trong khu di tích đèn Hùng. – Suu tầm tài liệu và giới thiệu được những nét sơ lược về lễ hội giỗ Tổ Hùng Vương. – Bày tỏ cảm xúc về ý nghĩa của ngày giỗ Tổ Hùng Vương.
2.4. Chiến khu – căn cứ địa Việt Bắc	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí, phạm vi của chiến khu – căn cứ địa Việt Bắc. – Quan sát bản đồ, phân tích được ở mức độ đơn giản những thuận lợi và khó khăn của điều kiện địa lí đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc. – Nhận xét được vai trò của chiến khu – căn cứ địa Việt Bắc thông qua một số câu chuyện kể về Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Kim Đồng, Quốc dân Đại hội Tân Trào,...
3. Đồng bằng Bắc Bộ	
3.1. Thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định được vị trí địa lí của đồng bằng Bắc Bộ. – Quan sát bản đồ và nhận xét được đặc điểm địa hình, sông ngòi ở đồng bằng Bắc Bộ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích ở mức độ đơn giản những thuận lợi và khó khăn do địa hình và sông ngòi đem lại ở đồng bằng Bắc Bộ. – Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ.
3.2. Dân cư và một số nét văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được một số dân tộc ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. – Quan sát lược đồ/bản đồ phân bố dân cư, nhận xét và giải thích được sự phân bố dân cư ở đồng bằng Bắc Bộ. – Mô tả được hoạt động sản xuất lúa nước, một số nghề thủ công ở đồng bằng Bắc Bộ. – Giới thiệu được một số nét văn hoá ở làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ.
3.3. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí sông Hồng. – Kể tên và giải thích ở mức độ đơn giản một số tên gọi khác của sông Hồng. – Suy tầm, sử dụng tranh ảnh và giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng (trồng đồng, thành Cổ Loa). – Trình bày được vai trò của sông Hồng đối với cuộc sống của con người. – Đề xuất được một số biện pháp để bảo vệ giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.
3.4. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng sơ đồ, chỉ được vị trí của một số công trình tiêu biểu: Khuê Văn Các, Văn Miếu, Quốc Tử Giám. – Mô tả được ở mức độ đơn giản kiến trúc một số công trình: Văn Miếu, Khuê Văn Các, Quốc Tử Giám. – Phân tích được ý nghĩa của biểu tượng bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám. – Bày tỏ cảm xúc về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam. – Đề xuất ở mức độ đơn giản một số biện pháp để bảo vệ giữ gìn các di tích lịch sử.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
3.5. Thăng Long – Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí của Thăng Long – Hà Nội. – Phân tích được một số khó khăn và thuận lợi của Thăng Long – Hà Nội qua lược trích một đoạn trong Chiếu dời đô của Lý Công Uẩn. – Nêu được một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội. – Trình bày được những nét khái quát về lịch sử – văn hoá của Thăng Long – Hà Nội trong quá khứ và hiện tại thông qua một số di tích, công trình tiêu biểu. – Thể hiện được cảm xúc, có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.
4. Duyên hải miền Trung	
4.1. Thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định vị trí địa lí của duyên hải miền Trung, nêu và chỉ tên một dãy núi (Trường Sơn, Bạch Mã), đèo Hải Vân, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng,... – Quan sát lược đồ/bản đồ, mô tả được nét chính về địa hình, khí hậu của vùng. – Phân tích được ở mức độ đơn giản những thuận lợi, khó khăn do điều kiện tự nhiên đem lại ở duyên hải miền Trung. – Đề xuất được một số biện pháp phòng chống thiên tai ở miền Trung.
4.2. Dân cư và một số nét văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được một số dân tộc ở duyên hải miền Trung – Giới thiệu được một số hoạt động sản xuất của vùng gắn với biển (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển,...). – Nêu được vai trò của một số bãi biển, cảng biển và biển của vùng duyên hải miền Trung thông qua việc kể tên một số hoạt động kinh tế ở bãi biển, cảng biển và biển. – Sử dụng lược đồ/bản đồ chỉ tên các di sản thế giới ở miền Trung.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số nét chính về văn hoá ở duyên hải miền Trung. – Giới thiệu được một số nét văn hoá của một dân tộc ở duyên hải miền Trung.
4.3. Phố cổ Hội An	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định vị trí địa lí của phố cổ Hội An. – Quan sát, tìm hiểu và giới thiệu một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An: nhà cổ, hội quán của người Hoa, chùa cầu Nhật Bản,... – Đề xuất một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.
4.4. Cố đô Huế	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định vị trí địa lí của cố đô Huế. – Kể tên và mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở Đại Nội Huế: Ngọ Môn, Điện Thái Hoà,... – Chọn và giới thiệu một công trình kiến trúc tiêu biểu ở Đại Nội Huế.
5. Tây Nguyên	
5.1. Thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên. – Mô tả được những đặc điểm chính về địa hình, đất đai (đất đỏ badan), rừng, khí hậu (mùa mưa và mùa khô) ở Tây Nguyên. – Sử dụng bảng số liệu về lượng mưa để phân tích nét điển hình của khí hậu ở Tây Nguyên – Nêu được vai trò của rừng và đề xuất được một số biện pháp bảo vệ rừng.
5.2. Dân cư và một số nét văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được một số dân tộc ở Tây Nguyên. – Sử dụng lược đồ phân bố dân cư/bảng số liệu so sánh được sự phân bố dân cư ở Tây Nguyên với các vùng khác. – Kể tên được một số cây công nghiệp ở Tây Nguyên.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số nét chính về văn hoá các dân tộc ở Tây Nguyên. – Giới thiệu được một số nét văn hoá của một dân tộc ở Tây Nguyên.
5.3. Lễ hội cồng chiêng Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> – Kể tên một số dân tộc là chủ nhân của lễ hội cồng chiêng Tây Nguyên. – Mô tả được những nét chính về lễ hội văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên. – Nêu được ý nghĩa của lễ hội văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên và vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào Tây Nguyên thông qua việc tìm hiểu các sinh hoạt có sử dụng cồng, chiêng ở Tây Nguyên.
6. Nam Bộ	
6.1. Thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định được vị trí địa lí của Nam Bộ, kể tên và xác định được một số con sông lớn ở Nam Bộ. – Quan sát lược đồ/bản đồ, mô tả được một số nét chính về địa hình, đất đai và hệ thống sông của Nam Bộ. – Phân tích ở mức độ đơn giản tác động của địa hình và sông ngòi đối với sinh hoạt của cư dân ở Nam Bộ.
6.2. Dân cư và một số nét văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được số dân, kể tên một số dân tộc ở Nam Bộ. – Sử dụng lược đồ/bản đồ kể tên và xác định được một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi chính ở Nam Bộ. – Mô tả một số hoạt động sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản ở Nam Bộ. – Phân tích được sự thích ứng của con người với thiên nhiên Nam Bộ thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu: miệt vườn và chợ nổi,... – Giới thiệu được một số nét văn hoá của một dân tộc ở Nam Bộ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
6.3. Địa đạo Củ Chi	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định vị trí của địa đạo Củ Chi. – Mô tả được một số công trình tiêu biểu trong địa đạo Củ Chi. – Đánh giá ở mức độ đơn giản vai trò của địa đạo Củ Chi.
6.4. Thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh. – Liệt kê và phân biệt được các tên gọi: Gia Định, Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. – Mô tả được một số công trình kiến trúc hiện đại, bến cảng Nhà Rồng, cảng Sài Gòn,... của Thành phố Hồ Chí Minh.

LỚP 5

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
1. Đất nước và con người Việt Nam	
1.1. Vị trí địa lí, lãnh thổ và biểu tượng của Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam. – Mô tả được hình dạng đất liền của Việt Nam. – Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể tên được tên một số tỉnh, thành phố tiêu biểu. – Nêu được ý nghĩa các biểu tượng quốc gia (Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca). – Bày tỏ được cảm nghĩ về hình dạng đất nước, các biểu tượng quốc gia.
1.2. Thiên nhiên Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số nét chính về địa hình, sông ngòi, khí hậu Việt Nam. – Phân tích ở mức độ đơn giản những khó khăn và thuận lợi từ địa hình, sông ngòi, khí hậu đối với sự phát triển của Việt Nam. – Kể tên một số tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét được ở mức độ đơn giản vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế của đất nước Việt Nam. – Đề xuất ở mức độ đơn giản một số biện pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
1.3. Biển, đảo Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ xác định được phạm vi của vùng biển, một số đảo, quần đảo tiêu biểu của Việt Nam. – Nêu được ở mức độ đơn giản vai trò của biển, đảo đối sự phát triển kinh tế đất nước. – Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền của biển đảo qua một số câu chuyện: Hải đội Hoàng Sa, lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, các ngôi mộ gió,... – Bày tỏ được thái độ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam. – Suu tầm, đọc và kể lại một số câu chuyện, bài thơ về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
1.4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được số dân, kể tên được một số dân tộc ở Việt Nam. – Sử dụng lược đồ phân bố dân cư giải thích sự phân bố dân cư không đồng đều ở Việt Nam. – Trình bày được tình đoàn kết của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam thông qua một số câu chuyện. – Giới thiệu được một số nét văn hoá của một số vùng miền của Việt Nam. – Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối sự đa dạng văn hoá ở các vùng miền của Việt Nam. – Thực hiện hành động bảo vệ sự đoàn kết trong tập thể.
1.5. Khái quát tiến trình lịch sử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> – Vẽ và tái hiện được ở mức độ đơn giản tiến trình phát triển, các giai đoạn chính của lịch sử dân tộc trên “đường thời gian”.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu một số triều đại, một số sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong từng giai đoạn, từng thời kì lịch sử. – Tìm hiểu, sưu tầm và giới thiệu một triều đại, một nhân vật, một sự kiện lịch sử,... tiêu biểu.
2. Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam	
2.1. Văn Lang – Âu Lạc	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được địa bàn chủ yếu của nhà nước Văn Lang – Âu Lạc. – Trình bày được sự thành lập của nhà nước Văn Lang qua câu chuyện Lạc Long Quân – Âu Cơ và một số thành tựu khảo cổ học. – Mô tả được quá trình xây dựng và bảo vệ nhà nước Văn Lang – Âu Lạc thông qua một số câu chuyện: Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng, Mỵ Châu – Trọng Thủy,...
2.2. Phù Nam	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam thông qua truyền thuyết lập nước và một số thành tựu khảo cổ học. – Giới thiệu được một số nét về Phù Nam thông qua một số hiện vật khảo cổ học tìm được ở nền văn hoá Óc Eo.
2.3. Champa	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định địa bàn chính của Champa. – Giới thiệu được một số nét chính về văn hoá của Champa thông qua tìm hiểu các tháp Chăm ở miền Trung.
3. Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc	
3.1. Kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ/bản đồ xác định được vị trí địa lí của sông Bạch Đằng. – Phân tích được vị trí của sông Bạch Đằng trong việc chống quân xâm lược. – Sử dụng lược đồ/bản đồ giới thiệu nét chính về chiến thắng Bạch Đằng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
3.2. Kháng chiến chống Mông – Nguyên thế kỉ XIII	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả sức mạnh của quân Mông – Nguyên qua một số câu chuyện lịch sử. – Sử dụng bản đồ/lược đồ, chỉ và giới thiệu một số trận đánh tiêu biểu của nhân dân ta thời Trần: Hàm Tử, Vạn Kiếp, Vân Đồn, Bạch Đằng,... qua một số câu chuyện lịch sử. – Phân tích được quyết tâm chống giặc nhân dân ta thời Trần qua một số câu chuyện của Trần Quốc Toản, Phạm Ngũ Lão, hội nghị Diên Hồng, Hịch tướng sỹ; các câu nói của Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Khánh Dư,... – Đánh giá được ở mức độ đơn giản tài năng và vai trò của Trần Quốc Tuấn trong kháng chiến chống Mông – Nguyên thông qua một số câu chuyện.
3.3. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	<ul style="list-style-type: none"> – Vẽ được “đường thời gian” biểu diễn một số sự kiện chính của khởi nghĩa Lam Sơn. – Nêu được một số khó khăn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thông qua một số câu chuyện: Lê Lai cứu chúa,... – Giới thiệu được một số thắng lợi tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn thông qua một số câu chuyện. – Đánh giá được ở mức độ đơn giản tài năng và vai trò của Lê Lợi và Nguyễn Trãi trong khởi nghĩa Lam Sơn thông qua một số câu chuyện.
3.4. Cách mạng Tháng Tám năm 1945	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thông qua một số câu chuyện. – Đánh giá được ở mức độ đơn giản vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Tháng Tám năm 1945 qua câu chuyện Bác Hồ về nước năm 1941, thành lập Mặt trận Việt Minh năm 1941 và một số câu nói của Bác liên quan đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
3.5. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định vị trí diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ. – Sử dụng bản đồ/lược đồ kết hợp với một số câu chuyện: kéo pháo, quyết định lịch sử của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chuyện bắt sống tướng De Castries,... mô tả được một số nét chính về chiến dịch Điện Biên Phủ. – Đánh giá được ở mức độ đơn giản vai trò của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với chiến dịch Điện Biên Phủ thông qua các câu chuyện liên quan đến quyết định lịch sử của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.
3.6. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được nét chính về chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 thông qua một số câu chuyện. – Đánh giá được ở mức độ đơn giản ý nghĩa của chiến dịch Hồ Chí Minh đối với việc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước thông qua một số bài hát (Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh, Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng,...) hoặc một số câu chuyện.
4. Các nước láng giềng và khu vực Đông Nam Á	
4.1. Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ; kể tên và chỉ được một số con sông, dãy núi, đồng bằng tiêu biểu của Trung Quốc. – So sánh được số dân của Trung Quốc với một số quốc gia khác. – Giới thiệu được một số công trình tiêu biểu của văn minh Trung Quốc: Bình mã dũng, Cố cung Bắc Kinh và Vạn lý trường thành,...
4.2. Lào	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Lào. – Tìm hiểu và mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Lào.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
4.3. Campuchia	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Campuchia. – Tìm hiểu và mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Campuchia.
4.4. Khu vực Đông Nam Á	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á, kể tên và chỉ được các nước Đông Nam Á. – Phân biệt được các nước Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. – Trình bày được một số nét cơ bản về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
5. Tìm hiểu thế giới	
5.1. Các châu lục và đại dương trên thế giới	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ, xác định được vị trí địa lí của các châu lục, đại dương, một số dãy núi, sông, kênh đào, eo biển,... tiêu biểu trên thế giới. – Giới thiệu được một số nét tiêu biểu về tự nhiên của các châu lục trên thế giới.
5.2. Dân số và các chủng tộc trên thế giới	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng lược đồ dân số và bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới. – Kể tên và mô tả những nét chính về các chủng tộc trên thế giới. – Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới. – Biết ứng xử phù hợp thể hiện tôn trọng đối với sự khác biệt và đa dạng văn hoá giữa các chủng tộc trên thế giới.
5.3. Một số nền văn minh nổi tiếng thế giới – Ai Cập	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí, phạm vi của nền văn minh Ai Cập. – Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: đồng hồ mặt trời, các Kim tự tháp ở Giza,... – Tìm hiểu, sưu tầm và kể lại một số câu chuyện về Kim tự tháp, Pharaon,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Lương Hà – Hy Lạp – La Mã 	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí, phạm vi của nền văn minh Lương Hà. – Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Lương Hà: chữ viết và công tác thuỷ lợi,... – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí, phạm vi của nền văn minh Hy Lạp. – Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp: Thế vận hội, Thánh đường của Nữ thần Mặt Trăng và Săn Bắn trong thần thoại,... – Tìm hiểu, sưu tầm và kể lại một số câu chuyện về lịch sử Olympic, các vị thần của Hy Lạp. – Sử dụng bản đồ/lược đồ xác định được vị trí, phạm vi của nền văn minh La Mã. – Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh La Mã: kênh dẫn nước La Mã và Đấu trường La Mã,... – Tìm hiểu và sưu tầm một số tranh ảnh, câu chuyện về các thành tựu văn minh La Mã.
<p>6. Chung tay xây dựng thế giới</p>	
<p>6.1. Chiến tranh và khát vọng hoà bình của nhân loại</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được hậu quả của các cuộc chiến tranh qua một số hình ảnh, câu chuyện về chiến tranh ở Việt Nam (thương binh, chất độc da cam, nghĩa trang Trường Sơn,...) và chiến tranh thế giới (bom nguyên tử ở Nhật Bản, người dân di cư vì chiến tranh ở Syria,...). – Trình bày được khát vọng hoà bình của nhân loại thông qua: Liên hợp quốc, truyền thuyết về chim bồ câu và cành olive, phong trào Chữ thập đỏ, Thế vận hội Olympic,... – Bày tỏ thái độ đối với chiến tranh và hoà bình thông qua việc thể hiện một thế giới trong mơ của em qua hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
6.2. Những vấn đề khó khăn nhân loại đang phải đối mặt	<ul style="list-style-type: none"> – Liệt kê và mô tả được một số vấn đề mà nhân loại đang phải đối mặt: suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu, gia tăng dân số, di cư, khủng bố,... – Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp giải quyết khó khăn của nhân loại.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp dạy học môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học theo hướng phát triển năng lực, góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung đã được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Cụ thể là:

– Năng lực tự chủ và tự học: thể hiện ở việc học sinh tự mình thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi học tập, tham quan; biết đặt ra các câu hỏi đơn giản, tự tìm kiếm và phân tích nguồn thông tin, trả lời câu hỏi về lịch sử và địa lí.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: thể hiện ở việc học sinh có khả năng diễn đạt rõ ràng ý kiến của mình, trao đổi, thảo luận khi có các quan điểm khác nhau; biết làm việc theo nhóm, chia sẻ suy nghĩ, lắng nghe ý kiến của người khác; tự tin khi đưa ra ý kiến; cùng nhau xây dựng ý tưởng trong quá trình học tập các vấn đề về lịch sử và địa lí.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thể hiện ở việc học sinh có khả năng phát hiện một số vấn đề trong cuộc sống xung quanh, đặt câu hỏi, tìm thông tin, thực hiện các thao tác phân tích, tổng hợp, giải thích, so sánh,... trong giải quyết vấn đề; biết đưa ra ý kiến, nhận xét, bình luận theo các cách khác nhau về các vấn đề địa lí và lịch sử trong cuộc sống xung quanh.

Phương pháp giáo dục chú trọng tổ chức các hoạt động dạy học để giúp học sinh tự tìm hiểu, tự khám phá, không thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn; chú trọng rèn luyện cho học sinh biết cách sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới; tăng cường phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, dự án; đa dạng hoá các hình thức tổ chức học tập, coi trọng việc dạy học trên lớp và các hoạt động xã hội.

Chương trình khuyến khích học sinh được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn cho học sinh tìm kiếm và thu thập thông tin, gợi mở giải quyết vấn đề, tạo cho học sinh có điều kiện thực hành, tiếp xúc với thực tiễn, học cách phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.

Trong dạy học lịch sử chú trọng lời kể chuyện, dẫn chuyện. Giáo viên giúp cho học sinh làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới thông qua các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để học sinh bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian; đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử; bước đầu làm quen với lịch sử khu vực và lịch sử thế giới. Đối với địa lí, dạy học gắn liền với việc khai thác kiến thức từ các nguồn tư liệu lược đồ/biểu đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu; chú trọng dạy học khám phá, quan sát thực địa; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh thông qua thảo luận, đóng vai, dự án,... nhằm khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của học sinh đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, từ đó hình thành năng lực tự học và khả năng vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn.

Giáo viên cần tận dụng tối đa các điều kiện cụ thể ở địa phương để tổ chức các giờ học ngoài lớp cho học sinh tham quan các cảnh quan, các di tích lịch sử – văn hoá, gặp gỡ các cá nhân và tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động xã hội.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học hướng đến mục tiêu là làm cho học sinh có những hiểu biết về lịch sử, địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước; bước đầu có những hiểu biết về thế giới và biết vận dụng những kiến thức lịch sử, địa lí để tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, công việc đánh giá chủ yếu là kiểm tra xem học sinh đã làm phong phú, nâng cao đời sống của bản thân mình và những người xung quanh bằng các kiến thức lịch sử và địa lí như thế nào. Việc giáo viên quan sát thái độ, hoạt động của học sinh, quan sát cách thức hành động tương ứng với môi trường tự nhiên và xã hội; đưa ra câu hỏi, để học sinh suy nghĩ về sự kiện cụ thể của đời sống hằng ngày là một trong những phương pháp rất hữu ích cho việc đánh giá khả năng phát triển năng lực chuyên môn lịch sử và địa lí cũng như một số năng lực chung của học sinh.

Nguyên tắc đánh giá cần đảm bảo tính toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; kết hợp đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí; tạo điều kiện và khuyến khích người học tự đánh giá.

Đánh giá trong môn Lịch sử và Địa lí cần phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh, giữa đánh giá của nhà trường và đánh giá của gia đình, cộng đồng; có công cụ đánh

giá thích hợp nhằm đánh giá toàn diện, công bằng, đúng thực chất. Thông qua kết quả, đánh giá, giáo viên có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân hoá về trình độ học lực của học sinh trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ học sinh chưa đạt chuẩn về kiến thức, năng lực.

Đối với các phương pháp kiểm tra (kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết, thi học kì,...), cần đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá như: bài thi (bài kiểm tra) theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan; kiểm tra miệng, quan sát, thực hành, bài tập, các dự án/sản phẩm học tập, tìm hiểu tự nhiên và xã hội,...

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời gian dành cho mỗi lớp học là 70 tiết/lớp/năm, dạy trong 35 tuần. Dự kiến thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Số tiết dành cho từng mạch nội dung trong môn Lịch sử và Địa lí (tỉ lệ %)

Nội dung		Lớp 4	Lớp 5
ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC VÙNG CỦA VIỆT NAM	1. Địa phương em	5,7	
	2. Miền núi và trung du Bắc Bộ	14,3	
	3. Đồng bằng Bắc Bộ	22,9	
	4. Duyên hải miền Trung	17,1	
	5. Tây Nguyên	12,9	
	6. Nam Bộ	15,7	
VIỆT NAM	7. Đất nước và con người Việt Nam		25,9
	8. Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam		11,4
	9. Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc		17

Nội dung		Lớp 4	Lớp 5
THẾ GIỚI	10. Các nước láng giềng và khu vực Đông Nam Á		11,4
	11. Tìm hiểu thế giới		17,1
	12. Chung tay xây dựng thế giới		5,7
Ôn tập và kiểm tra		11,4%	11,5%
Tổng số % lớp		100	100

2. Về logic xây dựng và phát triển chương trình

Một số kiến thức lịch sử và địa lí tiểu học đã được lồng ghép trong một vài chủ đề của môn Tự nhiên và Xã hội ở các lớp 1, 2, 3. Đến lớp 4 và lớp 5, các kiến thức lịch sử, địa lí được tách thành một môn học riêng biệt nhằm giúp học sinh mở rộng và nâng cao hiểu biết về môi trường xung quanh, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. Các kiến thức này gồm: những kiến thức ban đầu về điều kiện tự nhiên, dân cư, một số hoạt động kinh tế, lịch sử – văn hoá của các vùng miền, của đất nước và thế giới; những sự kiện, nhân vật lịch sử phản ánh những cột mốc đánh dấu sự phát triển của các giai đoạn lịch sử, những thành tựu trong sự nghiệp dựng nước (kinh tế, chính trị, văn hoá,...) và giữ nước của dân tộc. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí không tách thành hai phân môn Lịch sử và Địa lí. Các kiến thức lịch sử và địa lí được tích hợp trong các chủ đề về địa phương, vùng miền, đất nước và thế giới theo sự mở rộng về không gian địa lí và xã hội (bắt đầu từ địa phương, vùng miền, đến đất nước và thế giới). Logic này đảm bảo để khi hoàn thành chương trình môn học ở bậc tiểu học, học sinh sẽ có kiến thức bước đầu về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước và thế giới để học tiếp môn Lịch sử và Địa lí ở bậc trung học cơ sở. Vì vậy, khi dạy học, giáo viên cần chú ý liên hệ nội dung bài học với những nét đặc thù, tiêu biểu của lịch sử, địa lí ở địa phương.

Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí chuyển từ diện sang điểm. Đối với lịch sử, các kiến thức lịch sử được lựa chọn không tuân thủ nghiêm ngặt tính lịch đại mà lựa chọn những sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu cho một số vùng miền, một số giai đoạn lịch sử. Đối với địa lí, mỗi vùng chỉ lựa chọn một số đặc điểm địa lí tiêu biểu, đặc trưng cho từng vùng.

Việc lựa chọn các vùng ngoài dựa trên nét tương đồng về tự nhiên (duyên hải miền Trung), còn dựa trên vai trò lịch sử của vùng đất đó (Đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ).

Đối với nội dung Địa phương em ở chương trình lớp 4 sẽ học ở quy mô cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Các địa phương căn cứ vào yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình để xây dựng nội dung dạy học cụ thể phù hợp với đặc trưng của từng địa phương.

3. Thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng học sinh

Việc dạy và học môn Lịch sử và Địa lí ở các vùng miền, các trường chuyên biệt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình dạy và học, cần đảm bảo để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức và phát triển được phát triển năng lực chuyên môn của môn học. Những học sinh có nhu cầu và hứng thú tìm hiểu, khám phá thêm về lịch sử và địa lí được khuyến khích và được tạo điều kiện để đáp ứng nguyện vọng.

Đối với phần lịch sử và địa lí của các vùng miền trong chương trình Lịch sử và Địa lí lớp 4, nhà trường ở mỗi vùng miền có thể linh hoạt trong việc sắp xếp thứ tự dạy học về các vùng miền cho phù hợp với sự phát triển không gian từ gần đến xa của học sinh.

4. Thiết bị dạy học

Bộ thiết bị dạy học môn Lịch sử và Địa lí bao gồm các loại sau:

- Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...;
- Bản đồ, lược đồ;
- Sơ đồ, các bảng thống kê, so sánh,...;
- Phim video;
- Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu;
- Các mẫu vật về tự nhiên;
- Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên; một số dụng cụ thực hành;
- Phần mềm dạy học (nghiên cứu và từng bước sử dụng rộng rãi).

Thiết bị dạy học lịch sử và địa lí không chỉ nhằm minh hoạ bài giảng của giáo viên mà chủ yếu nhằm tạo các nguồn sử liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử của học sinh một cách tích cực, sáng tạo. Giáo viên cần quan tâm chú ý tạo điều kiện cho học sinh làm việc trực tiếp với các thiết bị dạy học theo phương châm: Hãy để cho các giác quan của học sinh tiếp xúc nhiều hơn với các thiết bị, để các em suy nghĩ nhiều hơn, làm việc nhiều hơn và trình bày ý kiến của mình nhiều hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (1998), *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.*
4. Quốc hội khoá XI (2005), *Luật Giáo dục.*
5. Quốc hội khoá XII (2009), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.*
6. Quốc hội khoá XIII (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
7. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
8. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1981/QĐ-TTg phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.*
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT phê duyệt Chương trình giáo dục phổ thông.*

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tự nhiên và xã hội 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tự nhiên và xã hội 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tự nhiên và xã hội 3*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Lịch sử và Địa lí 4*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Lịch sử và Địa lí 5*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
17. Bộ Giáo dục Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc (2011), *Chương trình giáo dục Tiểu học* (Tài liệu dịch).
18. Bộ Giáo dục Nhật Bản (2016), *Hướng dẫn học tập môn Xã hội* (Nguyễn Quốc Vương dịch, Nguyễn Lương Hải Khôi hiệu đính), Tập 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
19. Bộ phận Kế hoạch và Phát triển chương trình giảng dạy Bộ Giáo dục Singapore (2012), *Giáo trình Xã hội học* (Tài liệu dịch).

Tài liệu tiếng nước ngoài

1. California Department of Education (2011), *A look at Fourth Grade in California Public Schools and the Common Core State Standard* (Bản điện tử). Nguồn: http://www.orangeusd.k12.ca.us/ed_svcs/CommonCore/pdf/CDE/ALookAt_Grade4math.pdf, truy cập ngày 07/10/2017.
2. California Department of Education (2011), *A look at Fifth Grade in California Public Schools and the Common Core State Standard* (Bản điện tử). Nguồn: http://www.orangeusd.k12.ca.us/ed_svcs/CommonCore/pdf/CDE/ALookAt_Grade5math.pdf, truy cập ngày 07/10/2017.
3. Massachusetts Department of Education (2003), *Massachusetts History and Social Science Curriculum Frameworks* (Bản điện tử). Nguồn: http://www.doe.mass.edu/frameworks/hoc_sinh/final.pdf, truy cập ngày 07/10/2017.
4. Michigan Department of Education (2007), *Social Studies*. Nguồn: <https://education.alberta.ca/media/159594/program-of-studies-k-3.pdf>, truy cập ngày 07/10/2017.

5. The New York State Education Department (2013), *New York State Common Core Social Studies Frameworks*. Nguồn: <https://www.engageny.org/sites/default/files/resource/attachments/ss-framework-k-8.pdf>, truy cập ngày 07/10/2017.
6. 中华人民共和国教育部 (2011), 义务教育品德与社会课程标准 (Bản điện tử). Nguồn: <https://baike.baidu.com/item/%E4%B9%89%E5%8A%A1%E6%95%99%E8%82%B2%E5%93%81%E5%BE%B7%E4%B8%8E%E7%A4%BE%E4%BC%9A%E8%AF%BE%E7%A8%8B%E6%A0%87%E5%87%86/12059649?fr=aladdin>, truy cập ngày 07/10/2017.